

THƯ MỜI

Nhà thầu khảo sát, báo giá công việc

Sửa chữa van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro, xích tải tro lò hơi số 1 và 2 năm 2026

Kính gửi: Các nhà thầu quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV hiện có kế hoạch thuê ngoài công việc Sửa chữa Van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro, xích tải tro lò hơi số 1 và 2 năm 2026. Kính mời các nhà thầu quan tâm khảo sát, báo giá với nội dung như sau:

1. Nội dung công việc, vật tư chính:

Nội dung công việc chi tiết theo phụ lục đính kèm

2. Yêu cầu về bản báo giá:

- Báo giá phải ghi đầy đủ thông tin như: Tên Công ty, địa chỉ công ty và số điện thoại của người phụ trách báo giá.

- Bản báo giá phải ghi rõ nội dung dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền.

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay phải kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 40 ngày kể từ ngày báo giá.

- Ngoài bì thư ghi rõ “Chào giá công việc Sửa chữa van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro, xích tải tro lò hơi số 1 và 2 năm 2026”.

- Trước khi gửi Bản báo giá gốc, Nhà thầu gửi bản báo giá scan về 02 địa chỉ email:

kehoachcaongan@gmail.com và caongan.dtk@gmail.com.

3. Thời gian: Chậm nhất vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 03/12/2025.

4. Địa chỉ nhận bản báo giá gốc: Bộ phận văn thư Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV. Ngõ 719, Đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacominpowers.vn (để đăng tải);
- Lưu văn thư, KHĐTVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoài Trung

Phụ lục: Sửa chữa van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro, xích tải tro lò hơi số 1 và 2 năm 2026

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá dịch vụ	TÍNH CHO 1 LÒ	TỔNG 2 LÒ	Ghi chú
			Lò 1	Lò 2				
A	Sửa chữa bảo dưỡng cấp 1 (BD1) (3 tháng/1 lần)							
1	Sửa chữa làm kín các tấm nắp bị xì hơi, vệ sinh thanh gạt, nắn các thanh gạt bị cong...	Công	72	72				
B	Sửa chữa bảo dưỡng cấp 2 (BD2) (6 tháng/1 lần)							
1	Thay xích, xử lý sự cố đứt xích...	Công	96	96				
C	Sửa chữa bảo dưỡng cấp 3 (BD3) (1 năm/1 lần)							
I	Sửa chữa van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro							
1	Tháo van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro							
1.1	Tháo cơ cấu truyền động (bao gồm: động cơ 0,35 Kw; cơ cấu truyền Ø48, L =300; đai ổp kết nối bộ truyền với ty van côn Ø100 bằng bu lông M12x60)	Bộ	1	1				
1.2	Tháo ống nước mềm làm mát vào/ra Φ21 = 2 cái; tháo giá đỡ cụm van côn (M24 = 12 bộ); tháo ty van Ø75x14 L=2600; tháo quả van côn ra khỏi ty Ø250x250 (M16x85 = 4 bộ)	Bộ	1	1				
1.3	Tháo tết chèn Ø105/75x15 = 10 cái; tháo ống khí chèn Ø10, vành chèn Ø104/76x25 = 4 cái (bu lông M12 x45)	Bộ	1	1				
1.4	Tháo khớp giãn nở Ø790xØ200x881 = 2 cái (bu lông M16x90 = 12 bộ); tháo ống khí nén chèn Ø27 = 2 ống	Cái	1	1				
1.5	Tháo bộ trao đổi nhiệt bằng nước 2032x1860x1570 = 2 bộ (bu lông M20x45 = 88 bộ)	Bộ	2	2				
1.6	Tháo van xả tro buồng 1 DN160 = 2 cái (bu lông M20x70 = 16 bộ); van xả hopper DN250= 4 cái (bu lông M20x45=32 bộ)	Cái	3	3				
2	Vệ sinh, sửa chữa, bảo dưỡng.							
2.1	Kiểm tra, vệ sinh động cơ 0,35 Kw, cơ cấu truyền Ø48, L =300 tra mỡ, kiểm tra, vệ sinh đai ổp.	Bộ	1	1				
2.2	Kiểm tra, vệ sinh ống nước mềm làm mát vào/ra Φ21 = 2 cái; thay ty van Ø75x14 L=2600; quả van Ø250x250; thay bu lông M16x85; thay đầu bảo vệ Ø42.4x2	Bộ	1	1				
2.3	Kiểm tra vệ sinh ống khí chèn Ø10 = 2 cái và vành chèn Ø104/ 76x25 = 4 cái; Thay tết chèn Ø105/75x15	Bộ	1	1				

0429
CÔN
NHIỆT
O NG
CHỈ N
ÔNG
ĐIỀ
TKV
TRIỆU

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá dịch vụ	TÍNH CHO 1 LÒ	TỔNG 2 LÒ	Ghi chú
			Lò 1	Lò 2				
2.4	Kiểm tra, vệ sinh khớp giãn nở Ø790xØ200x881 (phần vỏ co giãn phía ngoài, ống dẫn tro phía trong Ø200, hàn lại mối hàn bị nứt Δ12 = 628mm; kiểm tra vệ sinh ống khí nén chèn Ø27	Bộ	1	1				
2.5	Kiểm tra, vệ sinh bộ trao đổi nhiệt bằng nước 2032x1860x1570 = 2 bộ, vệ sinh thông tắc nắm gió Ø95x145 = 140 quả; thay các đoạn ống cung công bị mòn Ø32x4 = 70 đoạn	Bộ	2	2				
	Thử kín bằng áp lực nước	Lần	1	1				
2.6	Vệ sinh, kiểm tra đường ống xả tro Ø150x1700, thay van xả tro buồng 1 DN160 = 2 cái và van xả hopper DN250 = 4 cái	Cái	3	3				
3	Lắp hoàn thiện van côn, khớp giãn nở, bộ làm mát tro							
3.1	Các bước lắp ngược lại với các bước tháo	HT	3	3				
4	Chạy thử	HT	0	0				
II	Sửa chữa xích tải tro lò 1, 2							
1	Tháo xích tải tro							
1.1	Động cơ và HGT							
1.1.1	Tháo bu lông bắt nối động cơ và HGT, bu lông M16x50 = 8 bộ.	Bộ	1	1				
1.1.2	Đưa động cơ ra vị trí sửa chữa (động cơ 11 kw, 380V, 1500v/ph).	Bộ	1	1				
1.1.3	Xả dầu cũ SHC 632.	Lít	7	7				
1.2	Gối đỡ xích tải tro							
1.2.1	Tháo nắp trên gối bi (bu lông M30 = 8 bộ); tháo 08 vòng bi	Gối	4	4				
1.3	Tháo các tấm nắp, thân vỏ hộp xích tải than							
1.3.1	Tháo tấm nắp đầu chủ động, bi động (M12 = 24 bộ; KT: 812 x 660 x 3)	Tấm	2	2				
1.3.2	Tháo tấm đáy và tấm nắp trên đoạn đầu bi động L = 1300:	Tấm	2	2				
	- 1300 x 656 x 10 = 2 tấm; M12 x 35 = 32 bộ							
	- 1300 x 656 x 3 = 2 tấm; M12 x 35 = 32 bộ							
1.3.3	Tháo tấm đáy và tấm nắp trên đoạn L = 2300:	Tấm	6	6				
	- 2300 x 656 x 10 = 6 tấm; M12 x 35 = 264 bộ							
	- 2300 x 656 x 3 = 6 tấm; M12 x 35 = 96 bộ							
1.3.4	Tháo tấm đáy và tấm nắp trên đoạn L = 2600:	Tấm	2	2				
	- 2600 x 656 x 10 = 2 tấm; M12 x 35 = 44 bộ							
	- 2600 x 656 x 3 = 2 tấm; M12 x 35 = 32 bộ							

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá dịch vụ	TÍNH CHO 1 LÒ	TỔNG 2 LÒ	Ghi chú
			Lò 1	Lò 2				
1.3.5	Tháo đoạn cung cong 75o (R2750 x656 x 120 = 2 đoạn; M12 x 45 = 48 bộ)	Bộ	1	1				
1.3.6	Tháo tấm đáy đoạn thẳng L = 3000 (3000 x 656 x 10 = 6 tấm; M12 x 35 = 120 bộ)	Tấm	3	3				
1.3.7	Tháo thanh U100 và tấm đỡ hadox trên - đoạn thẳng (3000 x 100; 3000 x 60 = 12 Bộ; M12x 70 = 35 bộ; M12 x 35 = 120 bộ)	Bộ	6	6				
1.3.8	Tháo tấm đáy đoạn thẳng L = 2055 (2055 x 656 x 10 = 2 tấm; M12 x 35 = 52 bộ)	Tấm	1	1				
1.3.9	Tháo thanh U100 và tấm đỡ hadox trên - đoạn thẳng (2055 x 100; 2055 x 60 = 2 Bộ; M12x 70 = 10 bộ; M12 x 35 = 52 bộ)	Bộ	1	1				
1.4	Nhông chủ động, bị động, xích							
1.4.1	Tháo không chủ động Ø400 x 15 = 2 bộ, bị động Ø400 x 15 = 2 bộ; M16x120 = 48 bộ	Bộ	2	2				
1.4.2	Tháo xích tải tro (56 m/1 bộ = 2 bộ)	Bộ	1	1				
2	Vệ sinh, sửa chữa, bảo dưỡng.							
2.1	Động cơ, HGT.							
2.1.1	- Vệ sinh rô to, Stator, kiểm tra đầu cốt, thay vòng bi động cơ, tổ hợp lại động cơ (công suất 11kw, 380V, 1500v/ph). - Vệ sinh, kiểm tra, bổ sung mỡ quạt làm mát động, mỡ (HTG)	Bộ	1	1				
2.1.2	Hộp giảm tốc, vệ sinh thay dầu SHC 632	Bộ	1	1				
2.2	Gối đỡ xích tải tro							
2.2.1	- Vệ sinh sạch mỡ cũ gối ổ, thay vòng bi, bổ sung mỡ mới, lắp lại nắp gối trên. - Vệ sinh ổ tét, thay tét Ø125 x 100	Gối	4	4				
2.3	Các tấm nắp, thân vỏ hộp xích tải tro							
2.3.1	Vệ sinh, kiểm tra, nắn lại các vị trí bị cong vênh, tấm nắp đầu chủ động, bị động; KT: 812 x 660 x 3	Tấm	2	2				
2.3.2	Vệ sinh, kiểm tra tấm đáy và tấm nắp trên đoạn đầu bị động L =1300: (1300 x 656 x 10 = 2 tấm và 1300 x 656 x 3 = 2 tấm); thay thanh chống mài mòn Ø12 và 6, bu lông M12 x 35	Tấm	2	2				
2.3.3	Vệ sinh, kiểm tra tấm đáy và tấm nắp trên đoạn L =2300: (2300 x 656 x 10 = 6 tấm và 2300 x 656 x 3 = 6 tấm); thay thanh chống mài mòn Ø12 và 6, bu lông M12 x 35	Tấm	6	6				
2.3.4	Vệ sinh, kiểm tra tấm đáy và tấm nắp trên đoạn L =2600: (2600 x 656 x 10 = 2 tấm và 2600 x 656 x 3 = 2 tấm); thay thanh chống mài mòn Ø12 và 6, bu lông M12 x 35	Tấm	2	2				
2.3.5	Thay đoạn cung cong 75o (R2750 x656 x 120 = 2 đoạn; M12 x 45 = 48 bộ)	Bộ	1	1				

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá dịch vụ	TÍNH CHO 1 LÒ	TỔNG 2 LÒ	Ghi chú
			Lò 1	Lò 2				
2.3.6	Vệ sinh, kiểm tra tấm đáy đoạn thẳng L = 3000 (3000 x 656 x 10 = 6 tấm) thay thanh chống mài mòn δ12, bu lông M12 x 35	Tấm	3	3				
2.3.7	Vệ sinh, kiểm tra thanh U100 và tấm đỡ hadox trên - đoạn thẳng (3000 x 100; 3000 x 60 = 12 Bộ) thay thanh chống mài mòn δ12 và 6, bu lông M12 x 70, M12 x 35	Bộ	6	6				
2.3.8	Vệ sinh, kiểm tra tấm đáy đoạn thẳng L = 2055 (2055 x 656 x 10 = 2 tấm) thay thanh chống mài mòn δ12, bu lông M12 x 35	Tấm	1	1				
2.3.9	Vệ sinh, kiểm tra thanh U100 và tấm đỡ hadox trên - đoạn thẳng (2055 x 100; 2055 x 60 = 2 Bộ) thay thanh chống mài mòn δ12 và 6, bu lông M12 x 70, M12 x 35	Bộ	1	1				
2.4	Nhông chủ động, bị động, xích							
2.4.1	Vệ sinh, thay không chủ động Ø400 x 15, bị động Ø400 x 15, M16x120, thay phốt gối bị động	Bộ	4	4				
2.4.2	Tổ hợp xích, thay xích mới (56 m/1 bộ = 2 bộ)	Bộ	1	1				
3	Lắp hoàn thiện xích tải tro							
3.1	Động cơ, HGT							
3.1.1	Lắp kết nối HGT, động cơ, quạt làm mát động cơ vào trục chủ động máy cấp; đấu nối điện	Bộ	2	2				
3.2	Gối đỡ xích tải tro							
3.1.1	Vệ sinh, lắp đầu tra mỡ	Cái	4	4				
3.3	Các tấm nắp, thân vỏ hộp xích tải tro							
3.3.1	Các bước lắp, lắp ngược lại với các bước tháo	Bộ	1	1				
3.4	Nhông chủ động, bị động, xích							
3.4.1	Căn chỉnh xích	Bộ	1	1				
4	Chạy thử	Lần	0	0				
	CỘNG							
	THUẾ VAT 8%							
	TỔNG							

UYÊN

6/11